

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ba Tơ, ngày tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
Công trình: Đập Nước Mạnh
Địa điểm xây dựng: Xã Ba Thành, huyện Ba Tơ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công ;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc hướng dẫn và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu và định mức , giá xây dựng và chỉ số giá xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ trưởng Bộ xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 UBND tỉnh về việc Ban hành quy định về phân cấp quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của UBND tỉnh về việc công bố đơn giá nhân công trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của UBND tỉnh về việc công bố giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 của UBND tỉnh Ban hành Quy định thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo Kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nước ngoài đầu tư công do UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 23/01/2025 của Hội đồng nhân dân huyện về kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (đợt 1) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Ba Tơ giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ năm 2021 – 2025; Nguồn vốn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND huyện về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (đợt 1) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Ba Tơ; nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh;

Xét Tờ trình số 15/TTr-BQL ngày 27/02/2025 của Giám đốc Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Ba Tơ và đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Công văn số 21/TB-KT&HT ngày 14/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đập Nước Mạnh với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Đập Nước Mạnh.
2. Địa điểm xây dựng: Xã Ba Thành, huyện Ba Tơ.
3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ba Tơ.
4. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Ba Tơ.
5. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Thăng Long.
6. Loại và cấp công trình: Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, cấp IV

7. Mục tiêu đầu tư: Việc đầu tư xây dựng đập và kiên cố hoá kênh nhằm đảm bảo cung cấp nước tưới cho đất canh tác các cánh đồng thuộc xã Ba Thành.

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

Tổng diện tích tưới khoảng: 25 ha.

8.1. Cụm đập đầu mối:

a) Đập:

- Tổng chiều dài, $L = (6,75 + 14 + 5) = 27,75\text{m}$
 - Lớp áo thân đập bằng bê tông lưới thép $\text{fi}10$ M250, đá 1x2 dày 20cm;
 - Lõi thân đập bằng bê tông M150, đá 2x4;
 - Liên kết giữa lớp áo thân đập và lõi thân đập bằng thép $\text{fi}12$, $a=60\text{cm}$;
 - Bề tiêu năng bằng bê tông lưới thép $\text{fi}10$ M250, đá 1x2 dày 25cm;
 - Sân trước đập bằng bê tông lưới thép $\text{fi}10$ M250, đá 1x2 dày 20cm;
 - Tường chắn thân đập bằng bê tông M200, đá 1x2;
 - Khe lún giữa thân đập và tường chắn lót giấy dầu tấm nhựa đường;
 - Chân khay khoá đập bằng bê tông M200, đá 1x2;
 - Hệ khung giằng chống xói hạ lưu đập bằng BTCT M250, đá 1x2;
 - Gia cố rọ đá chống xói trong, ngoài khung giằng hạ lưu kích thước $50 \times 100 \times 200\text{cm}$;
 - Nền cơ đập bằng bê tông M200, đá 1x2 dày 20cm;
 - Toàn bộ kết cấu bê tông được lót bằng lớp nilong trước khi đổ bê tông;
 - Khớp chống thấm thân đập sử dụng vật liệu nhựa PVC KN92, rộng 15cm;
- b) Cửa lấy nước:
- Được thiết kế 02 cửa lấy nước bên phía tả và phía hữu; Chiều dài 01 cửa

lấy nước, $L=2m$;

- Kết cấu bằng BTCT M250, đá 1x2 đổ tại chỗ;
 - Lưới chắn rác gia công bằng thép hình kích thước: 70x80cm và 70x110cm;
- Dàn van cửa lấy nước gia công bằng thép hình có van đóng mở, kích thước dàn van 70x220cm; toàn bộ lưới chắn rác và dàn van được sơn chống gỉ 01 lớp lót 02 lớp phủ;

c) Cống lấy nước:

- Được thiết kế 02 tuyến cống lấy nước (tả và hữu); chiều dài tuyến bên tả đập, $L_1 = (3+5+5,65+4,9)=18,55m$; chiều dài tuyến bên hữu đập, $L_2 = (3+5+5,65+4,9) = 18,55m$;
- Kết cấu cống lấy nước bằng BTCT M250, đá 1x2 đổ tại chỗ trên lớp lót nulong chống mất nước xi măng;

d) Hồ thu, bể xả cát:

- Hồ thu bằng bê tông M250, đá 1x2;
- Bể xả cát bằng BTCT M250, đá 1x2;
- Bể xả cát lắp đặt khe phai bằng gỗ nhóm 3;

8.2. Kênh và công trình trên kênh:

- Tổng chiều dài các tuyến $L=152,62+49,60+672,03+165,62=1.039,87m$.

Trong đó:

* Nhánh tả (bên trái đập): $L=202,22m$.

+ Tuyến kênh BTCT, kích thước 60x75cm, $L=152,62m$.

+ Tuyến kênh BTCT, kích thước 30x40cm, $L=49,60m$.

* Nhánh hữu (bên phải đập), $L=837,65m$.

+ Tuyến kênh BTCT, kích thước 50x60cm, $L=672,03m$.

+ Tuyến kênh BTCT, kích thước 30x40cm, $L=165,62m$.

a) Nhánh tả (bên trái đập):

a1) Kênh BTCT, kích thước 60x75cm, $L=152,62m$.

- Điểm đầu kênh tiếp giáp cống lấy nước đập tại K0+00; điểm cuối tuyến tiếp giáp kênh BTCT B600 hiện hữu tại K0+152,62;

- Kênh được thiết kế dạng hình chữ nhật có kích thước mặt cắt $b \times h=0,6 \times 0,75m$ nhịp dài 6m. Đáy, thành và giằng kênh bằng BTCT M200, đá 1x2; Lót móng kênh bằng lớp bao ni long chống mất nước XM; Khe lún bằng giấy dầu tấm nhựa đường 02 lớp; Riêng đoạn từ K0+30.36-:-K0+133.16 đập đan kích thước 40x85x10cm bằng BTCT M200, đá 1x2;

- Cống tưới: 02 cái; kết cấu bằng bê tông M200, đá 1x2 trên lớp bao nilong chống mất nước xi măng; khe phai bằng gỗ nhóm 3;

a2) Kênh BTCT, kích thước 30x40cm, $L=49,60m$.

- Điểm đầu kênh tiếp giáp kênh BTCT B600 hiện hữu tại K0+00; điểm cuối tuyến tiếp giáp kênh đất tại K0+49,60;

- Kênh được thiết kế dạng hình chữ nhật có kích thước mặt cắt $b \times h = 0,3 \times 0,4$ m nhịp dài 6m. Đáy, thành và giằng kênh bằng BTCT M200, đá 1x2; Lót móng kênh bằng lớp bao ni long chống mất nước XM; Khe lún bằng giấy dầu tấm nhựa đường 02 lớp;

- Cửa xả cuối kênh: 01 cái; kết cấu bằng bê tông M200, đá 1x2 trên lớp bao nilong chống mất nước xi măng; khe phai bằng gỗ nhóm 3;

b) Nhánh hữu (bên phải đập):

b1) Kênh BTCT, kích thước 50x60cm, L=672,03m.

- Điểm đầu kênh tiếp giáp cống lấy nước đập tại K0+00; điểm cuối tuyến tiếp giáp kênh đất tại K0+672,03;

- Kênh được thiết kế dạng hình chữ nhật có kích thước mặt cắt $b \times h = 0,5 \times 0,6$ m nhịp dài 6m. Đáy, thành và giằng kênh bằng BTCT M200, đá 1x2; Lót móng kênh bằng lớp bao ni long chống mất nước XM; Khe lún bằng giấy dầu tấm nhựa đường 02 lớp; Riêng đoạn từ K0+6.82:-K0+458.82 đập đan kích thước 40x70x10cm bằng BTCT M200, đá 1x2;

- Cống tưới: 12 cái; kết cấu bằng bê tông M200, đá 1x2 trên lớp bao nilong chống mất nước xi măng; khe phai bằng gỗ nhóm 3;

- Cửa xả cuối kênh: 01 cái; kết cấu bằng bê tông M200, đá 1x2 trên lớp bao nilong chống mất nước xi măng; khe phai bằng gỗ nhóm 3;

b2) Kênh BTCT, kích thước 30x40cm, L=165,62m.

- Điểm đầu kênh tiếp giáp kênh BTCT B600 hiện hữu tại K0+00; điểm cuối tuyến tiếp giáp kênh đất tại K0+165,62;

- Kênh được thiết kế dạng hình chữ nhật có kích thước mặt cắt $b \times h = 0,3 \times 0,4$ m nhịp dài 6m. Đáy, thành và giằng kênh bằng BTCT M200, đá 1x2; Lót móng kênh bằng lớp bao ni long chống mất nước XM; Khe lún bằng giấy dầu tấm nhựa đường 02 lớp;

- Cửa xả cuối kênh: 01 cái; kết cấu bằng bê tông M200, đá 1x2 trên lớp bao nilong chống mất nước xi măng; khe phai bằng gỗ nhóm 3;

c) Các hạng mục khác: Nạo vét tuyến kênh BTCT B600 hiện trạng với chiều dài L=449m, chiều sâu vét trung bình 30cm.

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: QCVN 04-01/2010/BNNPTNT; QCVN 04-05:2012/BNNPTNT; 14 TCN 9137-2012; TCVN 4118-2012; TCVN 4116:1985 và các quy trình thi công và nghiệm thu khác có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư

Tổng dự toán xây dựng công trình là: **6.017.000.000 đồng** (Sáu tỷ, không trăm mười bảy triệu đồng), trong đó:

- | | |
|---|---------------------|
| a) Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư | 1.112.091.000 đồng; |
| b) Chi phí xây dựng: | 4.135.094.000 đồng; |
| c) Chi phí quản lý dự án: | 99.946.000 đồng; |

- d) Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 520.818.000 đồng;
 đ) Chi phí khác: 110.969.000 đồng;
 e) Chi phí dự phòng: 38.082.000 đồng.

11. Thời gian thực hiện: Năm 2024-2025.

12. Nguồn vốn đầu tư: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Ba Tơ; nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh.

13. Hình thức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý và điều hành dự án.

14. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (*nếu có*); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (*nếu có*): Thực hiện.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, Giám đốc Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Ba Tơ thực hiện các kiến nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Công văn số 21/TB-KT&HT ngày 14/3/2025 và triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, đảm bảo chất lượng, tiến độ và sớm đưa công trình vào khai thác có hiệu quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng các Phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Ba Tơ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Ba Tơ và thủ trưởng các phòng, ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND huyện;
- VP HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT_(Nam).

CHỦ TỊCH

Phạm Giang Nam